VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2026/VBHN-QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và quy định quy trình kiểm tra nội dung đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Quyết định số 11/2026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và quy định quy trình kiểm tra nội dung đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 02 năm 2026, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Quyết định số 111/2026/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và quy định quy trình kiểm tra nội dung đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên kèm theo Quyết định số 11/2026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 216/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 794/TTr-STC ngày 27 tháng 01 năm 2026 về dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và quy định quy trình kiểm tra nội dung đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Công văn số 1103/STC-ĐKKD ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các thành viên Uỷ ban nhân dân tỉnh đối với dự thảo Quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh[1].

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và quy định quy trình kiểm tra nội dung đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2.[2] Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 02 năm 2026.

---

[1] Quyết định số 111/2026/QĐ-UBND có căn cứ ban hành như sau:
"Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;
Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;
Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;
Căn cứ Nghị định 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 10597/TTr-STC ngày 30 tháng 7 năm 2026".

[2] Khoản 1 Điều 2 Quyết định số 111/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026 quy định như sau:
"*1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026*".

Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:

1. Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

2. Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ
Phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và quy định quy trình kiểm tra nội dung đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan tham mưu giúp Uỷ ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập; việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra, theo dõi hoạt động; xử lý vi phạm, thu hồi giấy tờ đăng ký theo thẩm quyền; chế độ báo cáo; đồng thời quy định quy trình kiểm tra nội dung đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh *(sau đây gọi là cơ quan chuyên môn cấp tỉnh);*

2. Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh;

3. Uỷ ban nhân dân xã, phường *(sau đây gọi là Uỷ ban nhân dân cấp xã);*

4. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh; các cá nhân khác liên quan đến việc đăng ký và hoạt động doanh nghiệp, đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh.

Điều 3. Mục tiêu của việc phối hợp quản lý, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập tại tỉnh Thái Nguyên theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

c) Công khai, minh bạch công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh;

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, cạnh tranh bình đẳng; tạo điều kiện để các doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp quản lý, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Các cơ quan quản lý nhà nước chịu trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ, tuyên truyền và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, hộ kinh doanh tuân thủ đúng quy định pháp luật.

2. Kịp thời phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan nhà nước về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; tạo thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức có liên quan trong tiếp cận các thông tin về hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh được lưu trữ tại cơ quan, đơn vị, trừ trường hợp phải bảo đảm bí mật theo quy định pháp luật. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh được quyền kinh doanh ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và kiểm tra việc chấp hành điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp, tránh chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật (*không quá một lần/năm*); kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi doanh nghiệp, hộ kinh doanh có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

5. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động hiệu quả nhất.

Điều 5. Nội dung phối hợp quản lý, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

4. Xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong việc thực hiện các quy định pháp luật; ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài.

5. Báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Chương II
QUY ĐỊNH HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH

Mục I
PHỐI HỢP TRONG VIỆC TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH

Điều 6. Nội dung thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh[3]

1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh được cung cấp công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, bao gồm:

a) Thông tin đăng ký doanh nghiệp gồm: Tên doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; họ và tên người đại diện theo pháp luật; tình trạng pháp lý của doanh nghiệp.

b) Tên, mã số, địa chỉ, họ và tên người đứng đầu, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh, địa điểm kinh doanh.

c) Thông tin đăng ký hộ kinh doanh gồm: Tên hộ kinh doanh; mã số hộ kinh doanh; địa chỉ trụ sở; ngành, nghề kinh doanh; họ và tên chủ hộ kinh doanh.

2. Phạm vi và các thông tin khác được cung cấp, chia sẻ

a) Thông tin về cấp mới, thay đổi, thu hồi, chấm dứt hoạt động của giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận hoặc văn bản chấp thuận về điều kiện kinh doanh đã cấp cho doanh nghiệp và quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính của doanh nghiệp kể từ ngày ghi nhận trên hệ thống của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

---

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 111/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

b) Thông tin về tình hình nộp thuế trong hồ sơ khai thuế; thông tin về tình hình xuất, nhập khẩu trong hồ sơ hải quan; báo cáo tài chính.

c) Thông tin về số lượng lao động đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của doanh nghiệp; nợ, chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của doanh nghiệp; thông tin về tình hình sử dụng lao động trong các doanh nghiệp.

d) Thông tin về tình hình đầu tư của doanh nghiệp.

đ) Các thông tin về công nghệ, chuyển đổi số, sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo và các thông tin khác của doanh nghiệp.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh[4]

1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh được công khai thông qua hệ thống đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo địa chỉ https://dangkykinhdoanh.gov.vn, bao gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi địa phương quản lý.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật được yêu cầu khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với mục tiêu phục vụ quản lý nhà nước, thực hiện thủ tục hành chính. Trên cơ sở thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền không yêu cầu doanh nghiệp nộp bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công có liên quan đến doanh nghiệp.

4. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ quan quản lý nhà nước có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp khai thác, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Sở Tài chính *(Phòng Đăng ký kinh doanh)* là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

[4] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 111/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

2. Sở Tài chính *(Phòng Đăng ký kinh doanh)* định kỳ hằng tháng đối chiếu thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với thông tin cơ quan thuế cung cấp về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp ngừng hoạt động quá 01 năm mà không thông báo với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính phối hợp với cơ quan thuế, các cơ quan khác có liên quan tiến hành kiểm tra, xử lý theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định của pháp luật.

3. Trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh thuộc Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Uỷ ban nhân dân cấp xã *(Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị)* là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của hộ kinh doanh địa bàn.

4. Uỷ ban nhân dân cấp xã *(Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị)* định kỳ hằng tháng đối chiếu thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh thuộc Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với thông tin do cơ quan thuế cung cấp về tình trạng hoạt động của hộ kinh doanh. Đối với hộ kinh doanh ngừng hoạt động quá 06 tháng mà không thông báo với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, Uỷ ban nhân dân cấp xã tiến hành kiểm tra, xử lý theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về trình trạng pháp lý, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Sở Tài chính *(Phòng Đăng ký kinh doanh*) là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý, tình hình hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh thuộc Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Uỷ ban nhân dân cấp xã là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về trạng pháp lý, tình hình hoạt động của hộ kinh doanh địa bàn.

3. Các sở, ban, ngành chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp hoạt động trong ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Khuyến khích các cơ quan quản lý nhà nước ứng dụng chuyển đổi số trong trao đổi thông tin, chia sẻ cơ sở dữ liệu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, đồng thời giảm thiểu nghĩa vụ kê khai, báo cáo của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật

1. Sở Tài chính *(Phòng Đăng ký kinh doanh)* là đầu mối công khai thông tin doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về doanh nghiệp. Thông tin công khai bao gồm: Tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả, việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của doanh nghiệp, hộ kinh doanh *(nếu có).*

2. Thuế tỉnh Thái Nguyên công khai danh sách các doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và theo hướng dẫn của Trung ương.

Định kỳ hằng tháng, Thuế tỉnh Thái Nguyên có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính về danh sách doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ trụ sở đã đăng ký, tạm ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm liên tục không thông báo, vi phạm các quy định về đăng ký thuế.

Thuế tỉnh Thái Nguyên có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Uỷ ban nhân dân cấp xã về danh sách hộ kinh doanh đóng mã số thuế, không hoạt động tại địa chỉ trụ sở đã đăng ký, tạm ngừng 06 tháng liên tục đối với hộ kinh doanh mà không thông báo; hộ kinh doanh vi phạm các quy định về đăng ký thuế.

3. Cơ quan quản lý nhà nước khác *(ngoài các cơ quan quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này)* có trách nhiệm công khai doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành và thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính định kỳ hằng tháng. Thông tin công khai gồm: Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả, việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của doanh nghiệp, hộ kinh doanh *(nếu có).*

Điều 11. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp

1. Việc trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh giữa các cơ quan quản lý nhà nước quy định tại Điều 2 Quy chế này được thực hiện qua hệ thống thư điện tử công vụ, hệ thống quản lý văn bản của tỉnh hoặc bằng văn bản qua đường bưu chính, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước.

2. Việc công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh được thực hiện trên Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; trên trang Thông tin điện tử của các cơ quan liên quan.

3. Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị có liên quan được yêu cầu có trách nhiệm phản hồi theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Mục II
PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÔNG TÁC THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM CỦA DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH VỀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KIỆN TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ CÁC VI PHẠM KHÁC

Điều 12. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, xác minh, xử lý vi phạm, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm:

a) Phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

b) Phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Nội dung phối hợp trong xác minh, xử lý vi phạm bao gồm: Phối hợp xử phạt doanh nghiệp, hộ kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác.

3. Nội dung phối hợp trong thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: Phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh và thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối tổng hợp, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của Luật Thanh tra.

2. Các cơ quan chuyên môn; cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật của các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của mình theo quy định của pháp luật.

Uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật của các hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của mình theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm thì áp dụng hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp theo quy định của pháp luật để xử lý kịp thời hành vi vi phạm; trường hợp cần thiết thì yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành thanh tra.

Hằng năm, các sở, ban, ngành và Uỷ ban nhân dân cấp xã căn cứ vào định hướng, kế hoạch công tác gửi danh sách các doanh nghiệp, hộ kinh doanh dự kiến kiểm tra năm sau liền kề cho Thanh tra tỉnh để xin ý kiến về việc bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với kế hoạch thanh tra.

Trên cơ sở đề nghị của các sở, ban, ngành và Uỷ ban nhân dân cấp xã, Thanh tra tỉnh tham gia cho ý kiến đối với danh sách, kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh hằng năm về nội dung, phạm vi, đối tượng kiểm tra nhằm bảo đảm sự phối hợp, tránh chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động thanh tra và kiểm tra theo quy định của pháp luật.

Sau khi nhận được ý kiến của Thanh tra tỉnh, các sở, ban, ngành và Uỷ ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, điều chỉnh *(nếu có)* và ban hành kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh của năm sau liền kề theo phạm vi, thẩm quyền quản lý.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra

1. Các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp thành lập đoàn thanh tra, Thanh tra tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra. Trong trường hợp cần thiết, Thủ trưởng cơ quan thanh tra trưng tập người có chuyên môn, nghiệp vụ ở cơ quan, đơn vị khác tham gia Đoàn thanh tra. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Trường hợp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, các cơ quan liên quan thống nhất cử một cơ quan chủ trì, các cơ quan liên quan khác cử cán bộ tham gia. Kết quả kiểm tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn kiểm tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Trường hợp trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

3. Kết quả thanh tra, kiểm tra phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong công tác theo dõi tình hình hoạt động của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Sở Tài chính là đầu mối tổng hợp trong công tác theo dõi tình hình hoạt động, chấp hành các quy định của Luật doanh nghiệp, các nghị định, thông tư liên quan của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Uỷ ban nhân dân cấp xã là đầu mối tổng hợp trong công tác theo dõi tình hình hoạt động, chấp hành các quy định của Luật doanh nghiệp, các nghị định, thông tư liên quan của hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý.

3. Thuế tỉnh Thái Nguyên là đầu mối trong công tác theo dõi tình hình hoạt động, chấp hành các quy định của Luật Thuế, các nghị định, thông tư liên quan của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý.

4. Các cơ quan chuyên môn khác là đầu mối trong công tác theo dõi tình hình hoạt động, chấp hành các quy định của chuyên ngành của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác

1. Định kỳ ngày 25 hằng tháng các sở, ban, ngành và Uỷ ban nhân dân cấp xã cung cấp danh sách các doanh nghiệp, hộ kinh doanh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài đã cấp, thu hồi trong tháng và lũy kế từ đầu năm tới thời điểm báo cáo về Sở Tài chính (*cơ quan đầu mối triển khai các chỉ số cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh liên quan đến kinh doanh có điều kiện*).

2. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan quản lý nhà nước quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh, đồng thời thông báo cho Sở Tài chính *(đối với các doanh nghiệp)*, Uỷ ban nhân dân cấp xã *(đối với hộ kinh doanh)* để cập nhật thông tin, theo dõi tình hình chấp hành các quy định trong kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn.

3.[5] Cơ quan quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính *(đối với doanh nghiệp)*, Uỷ ban nhân dân cấp xã *(đối với hộ kinh doanh)* trong các trường hợp sau:

a) Đình chỉ hoạt động kinh doanh; thu hồi giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

b) Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh.

4.[6] Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước quy định tại khoản 2 Điều này, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

5.[7] Các sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã bị thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Trường hợp doanh nghiệp không tạm ngừng, không chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo yêu cầu, cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định của pháp luật.

---

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 111/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Quyết định số 111/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 111/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

Mục III
PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Thông tin về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được công khai trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để các cơ quan quản lý nhà nước về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài tra cứu, xử lý theo quy định của pháp luật đối với các điều kiện kinh doanh đối với doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp theo quy định phải thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính.

3. Trường hợp nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin, Sở Tài chính kiểm tra doanh nghiệp theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức có liên quan. Trách nhiệm cụ thể của các cơ quan liên quan:

a) Uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tại địa bàn quản lý;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm xác minh hành vi kinh doanh ngành, nghề cấm kinh doanh của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý;

c) Công an tỉnh có trách nhiệm xác minh nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo;

d) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó.

Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải được thể hiện bằng văn bản.

4. Khi nhận được văn bản của cơ quan quản lý nhà nước xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Sở Tài chính chỉ đạo Phòng Đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp theo quy định, đồng thời thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước đã có yêu cầu thu hồi.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Thông tin về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được công khai trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của hộ kinh doanh theo quy định phải thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Uỷ ban nhân dân cấp xã.

3. Trường hợp nhận được thông tin về hành vi vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin, cơ quan chuyên môn trực thuộc Uỷ ban nhân dân cấp xã kiểm tra hộ kinh doanh theo thẩm quyền.

4. Khi nhận được văn bản của cơ quan quản lý nhà nước xác định hành vi vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Uỷ ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định, đồng thời thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước đã có yêu cầu thu hồi.

Mục IV
BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 19. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Nội dung báo cáo tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập *(số lượng, quản lý chuyên ngành, tình hình chung sản xuất kinh doanh, các nội dung khác có liên quan*).

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về các nội dung sau:

a) Trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

b) Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

c) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

d) Xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài;

e) Kết quả thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm bị xử lý thu hồi;

g) Các nội dung khác quy định tại Quy chế này.

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được phân công và tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại Điều 19 Quy chế này của năm liền trước.

2. Sở Tài chính là đầu mối tổng hợp báo cáo về công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp và tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại Điều 19 Quy chế này.

3. Uỷ ban nhân dân cấp xã là đầu mối tổng hợp báo cáo về công tác quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh trên địa bàn và tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại Điều 19 Quy chế này.

4. Thanh tra tỉnh là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp công tác thanh tra quy định tại điểm b khoản 2 Điều 19 Quy chế này và gửi Sở Tài chính tổng hợp.

5. Trong tháng 02 hằng năm, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan liên quan dự thảo văn bản để Uỷ ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập của năm liền trước gửi cho Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ theo quy định.

Chương III
QUY TRÌNH KIỂM TRA NỘI DUNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
Mục I
THẨM QUYỀN, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Điều 21. Thẩm quyền kiểm tra[8]

[8] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 111/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

1. Cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Điều 20 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

2. Người có thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

Điều 22. Hình thức, địa điểm và thời hạn kiểm tra, tần xuất kiểm tra

1. Hình thức kiểm tra

Việc tiến hành kiểm tra về đăng ký kinh doanh được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.

Người có thẩm quyền kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động kiểm tra; tăng cường kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử để tiết kiệm thời gian, chi phí, nguồn lực; bảo đảm hoạt động kiểm tra được thực hiện kịp thời, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

2. Địa điểm kiểm tra

a) Đoàn kiểm tra làm việc tại trụ sở, nơi làm việc doanh nghiệp, hộ kinh doanh là đối tượng kiểm tra; trụ sở cơ quan, đơn vị tiến hành kiểm tra; tại nơi tiến hành kiểm tra, xác minh theo kế hoạch tiến hành kiểm tra;

b) Kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.

3. Thời hạn kiểm tra

a) Cuộc kiểm tra về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp của cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính thực hiện thì thời hạn kiểm tra không quá 10 (mười) ngày làm việc, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần không quá 05 (năm) ngày làm việc.

b) Cuộc kiểm tra về đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh của Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc UBND cấp xã thực hiện thì thời hạn kiểm tra không quá 07 (bảy) ngày làm việc, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần không quá 03 (ba) ngày làm việc.

c) Thời hạn kiểm tra được tính từ ngày công bố quyết định kiểm tra.

4. Số lần kiểm tra đối với mỗi doanh nghiệp, hộ kinh doanh không được quá 01 (một) lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

Mục II
QUY TRÌNH KIỂM TRA ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Điều 23. Quyết định kiểm tra

1. Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra

a) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc sự cố, sự kiện, dấu hiệu bất thường theo quy định của pháp luật;

b) Theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền;

c) Theo kế hoạch kiểm tra chuyên đề *(nếu có)*.

2. Nội dung quyết định kiểm tra

a) Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra;

b) Phạm vi, nội dung kiểm tra;

c) Đối tượng kiểm tra;

d) Thời hạn kiểm tra;

đ) Thành phần Đoàn kiểm tra.

Điều 24. Đoàn kiểm tra

1. Đoàn kiểm tra được thành lập để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo quyết định của người có thẩm quyền. Đoàn kiểm tra gồm: Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn *(nếu có)* và các thành viên.

2. Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra phải là người am hiểu pháp luật, có năng lực, chuyên môn phù hợp với nội dung kiểm tra; không trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật, xử lý hình sự; không thuộc trường hợp xung đột lợi ích đối với đối tượng kiểm tra theo quy định.

3. Yêu cầu đối tượng kiểm tra cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phục vụ công tác kiểm tra; yêu cầu giải trình, làm rõ về các nội dung có liên quan.

4. Kiến nghị người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền kiểm tra, cơ quan, người có thẩm quyền khác áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để bảo đảm thực hiện yêu cầu, mục đích của việc kiểm tra.

5. Lập biên bản vi phạm hành chính, buộc chấm dứt hành vi vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

6. Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền kiểm tra về kết quả kiểm tra.

Điều 25. Kế hoạch kiểm tra

1. Xây dựng, phê duyệt, phổ biến kế hoạch tiến hành kiểm tra

a) Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tiến hành kiểm tra trình người đứng đầu cơ quan, đơn vị phê duyệt trước khi công bố Quyết định kiểm tra.

b) Kế hoạch tiến hành kiểm tra phải xác định rõ mục đích và yêu cầu của cuộc kiểm tra. Nội dung kiểm tra được xác định căn cứ vào mục đích, yêu cầu của cuộc kiểm tra.

c) Kế hoạch tiến hành kiểm tra phải nêu rõ phương pháp tiến hành kiểm tra. Kế hoạch tiến hành kiểm tra phải xác định tiến độ thực hiện, chế độ thông tin, báo cáo (*nếu có*), việc sử dụng phương tiện, thiết bị, kinh phí và các điều kiện vật chất cần thiết khác phục vụ hoạt động của Đoàn kiểm tra.

2. Điều chỉnh kế hoạch tiến hành kiểm tra

Trường hợp cần thiết xuất phát từ yêu cầu, mục đích kiểm tra, kế hoạch tiến hành kiểm tra có thể được điều chỉnh. Trưởng đoàn kiểm tra dự thảo kế hoạch tiến hành kiểm tra điều chỉnh trình người đứng đầu đơn vị chủ trì cuộc kiểm tra phê duyệt. Nội dung điều chỉnh kế hoạch tiến hành kiểm tra không được trái với Quyết định kiểm tra.

3. Xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng báo cáo

Căn cứ Quyết định kiểm tra, kế hoạch tiến hành kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổ chức xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng kiểm tra báo cáo. Thời gian gửi văn bản, đề cương báo cáo ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước thời điểm công bố Quyết định kiểm tra để đối tượng có thời gian chuẩn bị, trừ trường hợp kiểm tra đột xuất. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ hình thức báo cáo, thời hạn nộp báo cáo.

Điều 26. Tiến hành kiểm tra và xử lý vi phạm

1. Công bố quyết định kiểm tra

Trưởng đoàn kiểm tra công bố quyết định kiểm tra với đối tượng kiểm tra và thông báo chương trình làm việc.

2. Đoàn kiểm tra tiến hành thu thập, xem xét, đánh giá thông tin, hồ sơ, tài liệu, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có liên quan.

a) Trưởng đoàn kiểm tra yêu cầu đối tượng kiểm tra cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra; việc giao nhận hồ sơ, tài liệu phải lập thành biên bản.

b) Trong quá trình kiểm tra, nếu xét thấy cần thiết, Trưởng đoàn kiểm tra hoặc thành viên Đoàn kiểm tra tiếp tục yêu cầu đối tượng kiểm tra, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra.

3. Lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính, xử lý kết quả kiểm tra

a) Đoàn kiểm tra lập biên bản kiểm tra, nêu rõ thành phần Đoàn kiểm tra, đối tượng kiểm tra, tổ chức, cá nhân có liên quan, nội dung kiểm tra, kết quả xác minh, ý kiến của đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan *(nếu có)*. Biên bản kiểm tra có chữ ký của Trưởng đoàn kiểm tra, đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan *(nếu có)*. Trường hợp đối tượng kiểm tra không ký vào biên bản kiểm tra thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất một người chứng kiến xác nhận việc đối tượng kiểm tra không ký vào biên bản;

b) Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính thì Đoàn kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp qua kiểm tra mà chưa đủ thẩm quyền để xem xét, đánh giá, làm rõ thì Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo người ra quyết định kiểm tra để yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan thanh tra có thẩm quyền tiến hành thanh tra;

d) Trường hợp phát hiện dấu hiệu tội phạm, Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo người ra quyết định kiểm tra để kiến nghị khởi tố và chuyển hồ sơ vụ việc, tài liệu có liên quan đến cơ quan điều tra xem xét, quyết định việc khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật;

đ) Trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của người ra quyết định kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra trình người ra quyết định kiểm tra.

Điều 27. Tổ chức thực hiện các quyết định xử lý theo yêu cầu sau kiểm tra

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị tiến hành kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức việc theo dõi, đôn đốc thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, các quyết định khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật có liên quan, văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra *(nếu có)*; trường hợp cần thiết thì báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp trên để có biện pháp xử lý, bảo đảm thực hiện đúng, đầy đủ các quyết định xử lý về kiểm tra.

2. Đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyết định xử lý về kiểm tra.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy chế này; chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành và Uỷ ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức thực hiện Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

b) Phối hợp, xây dựng, quản lý vận hành Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia, cập nhật những thông tin vi phạm của doanh nghiệp vào Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia; quản lý, tổ chức thực hiện cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp cho các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác đăng ký và quản lý sau đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này; chủ động tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh các nội dung, nhiệm vụ có liên quan đảm bảo tiến độ và tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Thuế tỉnh Thái Nguyên

a) Rà soát, đối chiếu doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký mã số với danh sách doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận; cung cấp thông tin về doanh nghiệp không hoạt động tại trụ sở đăng ký quá 01 năm, hộ kinh doanh quá 06 tháng không thông báo với cơ quan thuế.

b) Cung cấp thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh, công khai danh sách các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

c) Tiến hành kiểm tra quyết toán thuế, thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với doanh nghiệp; chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ kinh doanh chấm dứt hoạt động theo quy định.

d) Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo thẩm quyền đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm theo quy định của Luật Quản lý thuế.

3. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ đạo lực lượng chức năng xác minh, điều tra và xử lý theo quy định khi kiểm tra, phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; xác minh, xử lý theo thẩm quyền đối với doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh có nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký kinh doanh là giả mạo.

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành và tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình điều tra, xử lý các doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động.

d) Phối hợp với Sở Tài chính trong việc xác định tư cách pháp nhân của tổ chức, nhân thân của người thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với trường hợp pháp nhân, cá nhân đến từ nước ngoài.

4. Thanh tra tỉnh

a) Hướng dẫn các sở, ban, ngành và Uỷ ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh của ngành, địa phương.

b) Tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác quản lý sau đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này.

5. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

a) Chịu trách nhiệm theo dõi, phối hợp quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các khu công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

b) Định kỳ hằng tháng, cung cấp thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc thẩm quyền quản lý trong khu công nghiệp cho Sở Tài chính và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan nếu có phát sinh những trường hợp sau:

- Doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư;

- Doanh nghiệp, hộ kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

6. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Uỷ ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Công Thương; kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm, sai lệch nội dung đăng ký kinh doanh, đặc biệt đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiềm ẩn nguy cơ vi phạm.

b) Thực hiện hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp vi phạm; phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm cho Sở Tài chính và Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, hộ kinh doanh đặt trụ sở chính để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định.

7. Các sở, ban, ngành

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh, nhằm nâng cao nhận thức đúng, đầy đủ quy định của pháp luật, từ đó thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước.

b) Chủ trì, phối hợp thực hiện các nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi các đơn vị thực hiện hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành.

c) Hướng dẫn doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành trong hoạt động kinh doanh. Thông báo cho Sở Tài chính, Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, hộ kinh doanh đặt trụ sở chính danh sách các doanh nghiệp, hộ kinh doanh không đủ điều kiện kinh doanh, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

8. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tiếp nhận, xử lý thông tin doanh nghiệp do Sở Tài chính cung cấp; tham gia quản lý, theo dõi hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn.

b) Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện công tác quản lý nhà nước chuyên ngành đối với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

c) Chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã định kỳ gửi danh sách hộ kinh doanh đến cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để phối hợp theo dõi, quản lý.

d) Tuyên truyền, vận động doanh nghiệp, hộ kinh doanh tuân thủ, chấp hành đúng quy định của pháp luật. Hỗ trợ và tạo điều kiện tối đa cho các hộ kinh doanh có nhu cầu chuyển đổi thành doanh nghiệp; đẩy mạnh tuyên truyền cho các hộ kinh doanh thấy được những lợi ích, các chính sách hỗ trợ và ưu đãi của Nhà nước khi chuyển đổi thành doanh nghiệp theo quy định.

đ) Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý theo chức năng, nhiệm vụ, quy định pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

9. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

a) Tuân thủ, chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện thanh tra, kiểm tra.

c) Cung cấp kịp thời, đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo nội dung quyết định thanh tra, kiểm tra; báo cáo thông tin chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm về những thông tin đã cung cấp.

d) Thực hiện nghiêm túc chế độ thông báo, báo cáo theo quy định của pháp luật; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, báo cáo tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo từng lĩnh vực quản lý nhà nước; sửa đổi, bổ sung và báo cáo kịp thời đối với các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ.

Điều 29. Kinh phí thực hiện

Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và kiểm tra nội dung đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của sở, ban, ngành và Uỷ ban nhân dân cấp xã.

Điều 30. Điều khoản thi hành

Các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan căn cứ Quy chế quy định hoạt động phối hợp và Quy trình kiểm tra để chủ động thực hiện và phối hợp, kiểm tra theo quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Thái Nguyên, ngày18 tháng 9 năm 2026

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Hậu